

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 8 – 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Sang

Ông Đinh Chí Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã Tr L, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Cao Văn Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã Tr L, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/02/2008. Thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, mắng chửi và đuổi chị ra khỏi nhà, năm 2014 do anh Đ cờ bạc thua hết tiền nên vợ chồng xảy ra cự cãi chị bỏ nhà đi, sau đó anh Đ năn nỉ chị quay về tiếp tục chung sống nhưng không được bao lâu lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và anh Đ lại đuổi chị đi nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 28/11/2022 ãl cho đến nay. Nay chị B xác định trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không thể kéo dài và chị không thể sống chung với anh Đ được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con tên Cao Triệu V sinh ngày 15/8/2009 và Cao Diễm S sinh ngày 13/8/2019 hiện các cháu V và S do chị B đang nuôi dạy. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu V và S, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2023, bị đơn anh Cao Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị B tự tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Thới Bình là đúng, về mâu thuẫn giữa vợ chồng là có, anh đã biết lỗi, hứa sửa chữa, yêu cầu chị B tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Nếu chị B kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B.

Về con chung: Có 02 người con tên Cao Triệu V sinh ngày 15/8/2009 và Cao Diễm S sinh ngày 13/8/2019 hiện các cháu V và S đang sống cùng với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu V và S, không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con anh đồng ý.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Cao Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị B với anh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B với anh Cao Văn Đ được pháp luật cạnh nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau được gia đình hai bên hàn gắn nhưng vợ chồng chung sống với nhau vẫn không được hạnh phúc, chị B đã hai lần nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án để xin được ly hôn với anh Đ, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Đ hứa sửa chữa bản thân nên chị B rút đơn khởi kiện vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân nhau. Tại phiên tòa chị B xác định không còn tình cảm với anh Đ và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đ; đối với anh Cao Văn Đ

không đồng ý ly hôn nhưng chị B kiên quyết xin ly hôn thì anh Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B với anh Đ đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị B được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B và anh Đ có 02 người con tên Cao Triệu V sinh ngày 15/8/2009 và Cao Diễm S sinh ngày 13/8/2019, hiện tại các cháu V và S do chị B đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị B và anh Đ thỏa thuận giao các cháu V và S cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao các cháu V và S cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V; đối với việc cấp dưỡng cho con chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị B và anh Đ đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B và anh Đ xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Cao Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các cháu Cao Triệu V sinh ngày 15/8/2009 và Cao Diễm S sinh ngày 13/8/2019 cho chị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003472 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tr L, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phụng